

Bản án số: 873/2019/DS-ST

Ngày: 11-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt
2. Bà Nguyễn Thị Mây

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 650/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ Ng, sinh năm: 1964
Địa chỉ: 86 NTH, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần PT XM D.N.N
Địa chỉ trụ sở chính: 2977/8/1 QL1A, Khu biệt thự HG, Khu phố 5, phường TTN, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Dương Ngọc N, sinh năm: 1971, địa chỉ: 2977/8/1 QL1A, Khu biệt thự HG, Khu phố 5, phường TTN, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Qua quen biết, vào năm 2011, Bà Trần Thị Mỹ Ng đã nhiều lần cho Công ty Cổ phần PT XM D.N.N (Sau đây gọi tắt là công ty) vay tiền, tổng cộng 18.100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 09/5/2011 cho vay 3.000.000.000 đồng;
- Ngày 26/5/2011 cho vay 3.000.000.000 đồng;
- Ngày 26/7/2011 cho vay 450.000.000 đồng;
- Ngày 22/8/2011 cho vay 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 26/8/2011 cho vay 2.000.000.000 đồng;
- Ngày 08/9/2011 cho vay 750.000.000 đồng;
- Ngày 13/9/2011 cho vay 5.000.000.000 đồng;
- Ngày 13/9/2011 cho vay 2.200.000.000 đồng;
- Ngày 17/10/2011 cho vay 700.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2011, công ty lập giấy nhận nợ 18.100.000.000 đồng và hẹn sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả nợ cho Bà Ng.

Theo đơn khởi kiện, Bà Ng yêu cầu công ty trả số nợ nói trên và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2019, Bà Ng rút một phần yêu cầu khởi kiện – rút yêu cầu về tiền lãi.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến tòa cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau :

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn có trụ sở tại Quận 12 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Tại bản tự khai ngày 07/11/2019, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện – rút toàn bộ yêu cầu về lãi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi là 15.900.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút nếu đủ điều kiện theo quy định của tố tụng và sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Xét yêu cầu đòi tiền vốn vay: Tòa án không lấy lời khai bị đơn được do bị đơn không cử đại diện đến Tòa. Như vậy, bị đơn đã được Tòa án thông báo nhưng không phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản do nguyên đơn đưa ra. Xác định, ngày 15/4/2015 hai bên có lập Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ. Biên bản này do nguyên đơn cùng đại diện theo pháp luật của bị đơn ký và đóng dấu pháp nhân nên hợp pháp và phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Tại biên bản đối chiếu công nợ nói trên, phần “Ngày vay” ở “STT” 8 và 9 có chênh lệch so với chứng từ vay ban đầu là “Giấy biên nhận” ngày 08/3/2011 và “Hợp đồng mượn tiền và thế chấp nhà ngày 19/7/2011”. Nguyên đơn trình bày là do sai sót trong đánh máy nhưng khẳng định hai khoản nợ được xác nhận này xuất phát từ hai chứng từ ban đầu nói trên. Bị đơn không phản đối nên chấp nhận trình bày của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định, bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, tổng cộng số tiền vay theo Biên bản đối chiếu và xác

nhận công nợ ngày 15/4/2015 là 18.100.000.000 đồng. Căn cứ Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nói trên.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn phải chịu án phí là: 112.000.000 đồng + 0.1% x (18.100.000.000 đồng - 4.000.000.000 đồng) = 126.100.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm a và b khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Bà Trần Thị Mỹ Ng về việc buộc Công ty Cổ phần PT XM D.N.N phải trả số tiền lãi vay là 15.900.000 (Mười lăm tỉ chín trăm triệu) đồng.

Bà Trần Thị Mỹ Ng có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút nói trên nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần PT XM D.N.N trả cho Bà Trần Thị Mỹ Ng số tiền đã vay là 18.100.000.000 (Mười tám tỉ một trăm triệu) đồng theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 15 tháng 4 năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bà Trần Thị Mỹ Ng cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty Cổ phần PT XM D.N.N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần PT XM D.N.N phải chịu 126.100.000 (Một trăm hai mươi sáu triệu một trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Bà Trần Thị Mỹ Ng 71.000.000 (Bảy mươi một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000135 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa